

Những thành quả trong sự phát triển các KCN Bình Dương

Kể từ năm 1991 khi khu chế xuất đầu tiên là Khu chế xuất Tân Thuận được thành lập đến nay cả nước đã có 67 khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao với tổng diện tích đất tự nhiên hơn 11.000 ha (không kể KCN Dung Quất). Về tổng thể nếu so sánh với các nước khác, nhất là các nước trong khu vực ASEAN và yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì số lượng kể trên chưa phải là nhiều. Trước hết cần phải khẳng định phát triển KCN là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta nằm trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu quan trọng trong một số năm trước mắt đối với phát triển KCN là tập trung vận động thu hút đầu tư để lấp đầy các KCN đã được thành lập. Tỷ lệ lấp đầy bình quân cả nước ở các KCN đạt 35% diện tích đất công nghiệp cho thuê, cá biệt một số tỉnh, thành phố lớn tỷ lệ này đạt tương đối cao.

Bình Dương là một tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cạnh Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế văn hóa khoa học kỹ thuật lớn của cả nước và tỉnh Đồng Nai có truyền thống lịch sử lâu đời về phát triển công nghiệp. Chính nhờ vị trí thuận lợi đó mà Bình Dương thừa hưởng những lợi thế của vùng, nhờ đó tác động mạnh mẽ đến thu hút đầu tư nước ngoài. Bình Dương trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã xác định hình thành các KCN là bước đi có tính đột phá nhằm thoát cảnh nghèo nàn lạc hậu. Tính đến nay trong 7 khu công nghiệp đã được cấp giấy phép hoạt động đã thu hút được trên 170 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn trên 960 triệu USD.

Đầu tư nước ngoài chủ yếu vào ngành công nghiệp với tỷ trọng 97% tổng số dự án và 88% tổng vốn đầu tư. Số còn lại là các dự án kinh tế đầu tư vào kinh doanh phát triển hạ tầng khu công nghiệp, dịch vụ, du lịch và nông nghiệp... Có thể nói khu vực đầu tư nước ngoài đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế. Nhiều công nghệ mới đã được du nhập vào như sản xuất lắp ráp ô tô, tổng đài điện thoại kỹ thuật số, sản xuất cáp quang, lắp ráp điện tử. Nhìn chung phần lớn trang thiết bị có công nghệ tiên tiến, tạo ra nhiều sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam và quốc tế.

Đã có 26 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Bình Dương như Đài Loan,

Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan. Trong đó có nhiều tập đoàn, công ty lớn có tiềm lực mạnh mẽ về công nghệ và tài chính. Một số dự án thuộc các nước công nghiệp phát triển đã bắt đầu tham gia đầu tư như Mỹ, Nhật, Đức, Hà Lan....

Một số chỉ tiêu cho thấy sự phát triển các KCN là đáng phấn khởi như tạo việc làm cho hơn 30.000 lao động trực tiếp và hơn 15.000 lao động gián tiếp trong các ngành dịch vụ hỗ trợ kèm theo. Mặt khác tỷ lệ lấp đầy các KCN Bình Dương đạt mức khá cao hơn 60%, cá biệt có một số KCN đã lấp đầy 100% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

Tuy nhiên, như đã nói ở trên, kết quả chỉ là bước đầu. Vấn đề đặt ra là phát triển các KCN trong giai đoạn mới làm thế nào để phục vụ có hiệu quả cho chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trên tầm cao mới quả là còn nhiều thách thức.

Hội nhập kinh tế quốc tế và những vấn đề đặt ra

Với chính sách đổi mới của Việt Nam từ cuối thập niên 1990, trọng tâm của ngoại thương Việt Nam đã chuyển

hướng sang khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Những dấu mốc tích cực đánh giá nỗ lực của nước ta trong tiến trình hội nhập với quốc tế và khu vực như sau:

-Việt Nam gia nhập ASEAN (28.7.1995)

-Việt Nam gia nhập AFTA năm 1996.

-Việt Nam gia nhập APEC cuối năm 1998, và đang nỗ lực xúc tiến quá trình gia nhập WTO.

Với khoảng cách hiện nay giữa trình độ phát triển của Việt Nam với các nước ASEAN khác, liệu các ngành công nghiệp của ta có thể phát triển được không? Đây là vấn đề bức xúc đặt ra, gia nhập AFTA là chấp nhận thử thách và chỉ có trong môi trường như vậy mới phát huy hết tài năng, trí tuệ của hai bộ phận trọng yếu là khối quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Chính điều này buộc Việt Nam phải tiến hành cải cách kinh tế và hành động nhanh hơn để đối đầu với nhiều quả thử thách này. Ngoài ra, gia nhập AFTA, APEC và trong tương lai WTO sẽ mở ra những cơ hội để thâm nhập dễ dàng hơn vào thị trường của các tổ chức này.

(Xem tiếp trang 34)

Thách thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế nhìn từ góc độ quản lý KCN Bình Dương

Thạc sĩ NGUYỄN THỊ HỒNG



phát hành biết sẽ từ chối thanh toán.

- Sửa chữa số tiền trên hóa đơn do ghi nhầm hoặc cố ý mà cơ sở chấp nhận quên rằng chủ thẻ cũng giữ một hóa đơn nguyên vẹn, ngân hàng phát hành có thể căn cứ vào sự sai phạm này để từ chối thanh toán số tiền trên hóa đơn.

Rủi ro với chủ thẻ

Thông thường các loại thẻ tín dụng quốc tế đều có hai công dụng là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt. Chủ thẻ là người duy nhất biết mã số cá nhân (số PIN). Chủ thẻ do vô tình có thể để lộ số PIN và đồng thời bị mất thẻ mà chưa kịp báo cho ngân hàng phát hành, do một sự trùng hợp nào đó người lấy được thẻ biết được số PIN và họ có thể dùng thẻ để rút tiền mặt tại máy ATM. Do rút tiền mặt qua máy ATM chỉ hoàn toàn dựa trên số PIN nên không thể kiểm tra được người rút tiền có phải là chủ thẻ hay không. Trường hợp này chủ thẻ hoàn toàn chịu rủi ro về số tiền bị mất.

Ngoài ra chủ thẻ còn phải đối đầu với nguy cơ thẻ giả ngày càng tăng. Với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật những kẻ làm thẻ giả đã rất tinh vi. Sau khi nhận thẻ tín dụng và tính tiền cho khách hàng

chúng đã lên quét tấm thẻ một lần nữa qua một chiếc máy nhỏ xíu (như máy tính cầm tay) mà khách không hề hay biết. Như vậy bọn làm thẻ giả đã mua chuộc nhân viên tại các cơ sở chấp nhận thẻ để đánh cắp thông tin trong thẻ và nhanh chóng sản xuất tấm thẻ giả có nội dung như thẻ thật đang lưu hành.

Kỹ thuật làm giả ở một số nước châu Á đặc biệt là ở Nhật, Hồng Kông và Đài Loan gần đây đã tiến lên một cấp bậc mới. Khi bọn tội phạm cài đặt thẳng những con chip trong những máy tính tiền trong nhà hàng hay những cửa hàng khác ghi lại các cuộc giao dịch, trả tiền bằng thẻ tín dụng. Bọn tội phạm đột nhập vào cửa hàng lúc nửa đêm, khoan một lỗ nhỏ sau lưng chiếc máy và cài vào đó một con chip để ghi lại thông tin trong thẻ khi giao dịch. Dĩ nhiên trước đó chúng đã làm hỏng bộ cảm biến báo động. Sau đó các tên trộm đã trở lại và lấy con chip đi với những thông tin của nhiều thẻ tín dụng đã giao dịch và chúng nhanh chóng làm thẻ giả với thông tin thật đã có. Và chỉ cần sau vài tuần từ lúc mã số thẻ bị đánh cắp các chủ thẻ - nạn nhân - sẽ thấy hóa đơn tính tiền của mình gồm cả những món hàng xa

xỉ hay ở những nơi mà mình chưa bao giờ đến. Tất nhiên việc truy đòi tiền lại là đầy khó khăn và sẽ hoàn toàn mất hy vọng nếu chúng đã sử dụng thẻ giả này để rút tiền tại các máy ATM.

Không chỉ ở Hồng Kông, Đài Loan, Nhật mà thẻ tín dụng giả đang trên đà phát triển ở khắp Châu Á nói riêng, thế giới nói chung. Tỷ lệ lừa đảo bằng thẻ tín dụng giả ở Châu Á hiện nay bằng phân nửa so với Mỹ, nhưng phát triển rất nhanh. Các nạn nhân - chủ thẻ - nhiều nhất là người Nhật. Thẻ tín dụng liên quan đến nạn nhân Nhật đã tăng lên 45% trong 3 năm qua. Còn các vụ trộm cắp sử dụng thẻ giả đã tăng lên gấp 8 lần. Lý do mà bọn tội phạm thường nhắm vào người Nhật vì thẻ tín dụng của họ có giá trị cao và luật chống làm thẻ giả của Nhật rất lỏng lẻo.

Tóm lại, các rủi ro trong thanh toán bằng thẻ có thể xuất hiện ở mọi lúc mọi nơi. Do đó để hạn chế cần có sự phối hợp đồng bộ giữa ngân hàng phát hành, ngân hàng thanh toán, cơ sở chấp nhận và chủ thẻ. Rủi ro sẽ được hạn chế nếu mỗi bên có liên quan đều có ý thức trách nhiệm trong công việc của mình ■

(Tiếp theo trang 22)

Thách thức trong ...

Chúng ta hiện có những lợi thế so sánh trong những ngành dùng nhiều lao động, nhất là lao động giản đơn và các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản. Tuy nhiên hướng tới tương lai phát triển phải chú ý đến việc tạo ra lợi thế trong những ngành có hàm lượng kỹ thuật cao hoặc lao động lành nghề, lao động có trí thức cao. Đây là vấn đề cốt lõi mà chiến lược công nghiệp hóa của chúng ta phải đạt được trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là con đường để lấp đầy khoảng cách tụt hậu so với các nước trong khu vực.

Hội nhập quốc tế đương nhiên dẫn đến các hệ quả sau :

- Các công ty xuyên quốc gia sẽ đặt Việt Nam trong chiến lược phát triển của mình và sẽ chọn những ngành, những bộ phận, lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế so sánh.

- Trong cùng điều kiện tương tự, lợi thế so sánh không khác biệt lớn giữa các nước trong khu vực, họ sẽ quyết định đầu tư vào nước có môi trường đầu tư thuận lợi hơn.

- Để có thể phát triển bền vững, Việt Nam cần có kế hoạch giáo dục, đào tạo ngay từ bây giờ để có được đội ngũ lao động có kỹ năng, trí thức cao, xây dựng cơ sở hạ tầng trọng yếu để phát triển các ngành công nghiệp nặng. Chúng ta đã xây dựng KCN, KCX, KCNC khá tốt và cần hoàn thiện hơn nữa, nối kết với hệ thống cơ sở hạ tầng quốc gia đạt mức ngang bằng với các nước trong khu vực. Có như vậy mới tiếp tục đón nhận những dòng chảy đầu tư trực tiếp từ nước ngoài từ đó cơ cấu công nghiệp mới chuyển dịch với tốc độ cao hơn.

- Việc cắt giảm thuế nhập khẩu xuống mức thấp hơn 5% (2006) theo lộ trình chúng tôi cho đây là cả một sự thách thức lớn. Vấn đề đặt ra là xây dựng lộ trình này làm thế nào để có lợi nhất cho chiến lược công nghiệp hóa, bên cạnh đó đẩy mạnh cải cách kinh tế và hành chính nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và đủ sức cạnh tranh khi hội nhập. Mặt khác, cần xóa bỏ tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự bảo hộ của Nhà nước, các doanh nghiệp phải vươn lên và khẳng định rằng khi hội nhập sẽ xóa bỏ bảo hộ, các doanh nghiệp phải tự chủ và tìm kiếm nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường quốc tế.

Tóm lại, qua những phân tích trên, dưới góc độ quản lý các KCN Bình Dương dù có hạn hẹp về quy mô nhưng chắc chắn rằng những thuận lợi và nguy cơ, thách thức không chỉ ảnh hưởng đến cả nước mà trong từng lúc từng nơi có những tác động rất cụ thể đến địa bàn khu công nghiệp. Vấn đề đặt ra là phải có cái nhìn bao quát và xem xét sự vật ở trạng thái động để có những điều chỉnh phù hợp. Phát triển các KCN là tạo dựng địa bàn để thu hút đầu tư và có thu hút được đầu tư nước ngoài hay không tùy thuộc vào môi trường đầu tư có tốt hay không. Chỉ có giải pháp rút ngắn khoảng cách giữa các nhà đầu tư mong đợi và cái chúng ta cần sao cho hài hòa lợi ích đôi bên cũng như phát huy lợi thế so sánh động so với các nước trong khu vực thì Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung mới là địa chỉ tin cậy của các nhà đầu tư. Điều này đòi hỏi sự hoàn thiện cơ chế vĩ mô, cải cách mạnh mẽ hơn nữa thủ tục hành chính và đối xử với các nhà đầu tư nước ngoài bình đẳng với các nhà đầu tư trong nước. Đây cũng là giải pháp để thực hiện có hiệu quả chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chúng ta ■